

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: /2023/HS-ST

Ngày: 28/9/2023.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Hòa.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đinh Văn Luận.

2. Ông Trần Minh Phương.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Lộc - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Toán Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2023, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai hình thức trực tuyến tại điểm cầu trung tâm là trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh và điểm cầu thành phần là trại tạm giam công an tỉnh Bắc Ninh vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 100/2023/HSST ngày 08 tháng 9 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 269/2023/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 9 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Trần Văn T, sinh năm 1981 tại Bắc Ninh; nơi ĐKKHKT: Khu phố Đa Hội, phường Châu Khê, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Hòa, sinh năm 1953 và bà Trần Thị Bình, sinh năm 1954; gia đình có 03 anh em bị cáo là con thứ hai; vợ: Trần Thị Thơm, sinh năm 1984; con: Có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2003, con nhỏ nhất sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo được áp dụng bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú - Hiện tại ngoại. Có mặt tại điểm cầu trung tâm.

2. Đặng Thị H, sinh năm 1985 tại Hà Nội; nơi ĐKKHKT: Số 18 hẻm 41/6, ngõ 509, đường Đại Mỗ, phường Đại Mỗ, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Đình Tâm (đã chết) và bà Đỗ Thị Ngọc Miến, sinh năm 1957; gia đình có 04 anh chị em bị cáo là con thứ

ba; chồng: Trần Gia Thường, sinh năm 1984; con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo được áp dụng bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú - Hiện tại ngoại. Có mặt tại điểm cầu trung tâm.

3. Nguyễn Đức H, sinh năm 1986 tại Nam Định; nơi ĐKHKTT: Số 29, ngõ 91, tổ 14, phường Kiến Hưng, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Đức, sinh năm 1962 và bà Trần Thị Phiến, sinh năm 1964; gia đình có 02 anh em bị cáo là con cả; vợ: Lô Thị Thu Hạnh, sinh năm 1986; con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không.

- Nhân thân: Tại bản án số 344 ngày 19/7/2011 của Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội xử phạt Nguyễn Đức H 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 29 tháng 24 ngày về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” quy định tại Điểm a, Khoản 1 Điều 140 Bộ luật hình sự năm 1999. Bị can đã chấp hành xong các quyết định của bản án.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/4/2023 đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Ninh. Có mặt tại điểm cầu thành phần trại tạm giam công an tỉnh Bắc Ninh.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Trần Thị Thơm; sinh năm: 1984; nơi ĐKHKTT: Khu phố Đa Hội, phường Châu Khê, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh. **Có mặt.**

2. Chị Trần Thị Dung; sinh năm: 2000; nơi ĐKHKTT: Khu phố Đa Hội, phường Châu Khê, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh. **Vắng mặt.**

3. Ông Trần Văn Cơ; sinh năm: 1981; nơi ĐKHKTT: Khu phố Đa Hội, phường Châu Khê, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh. **Vắng mặt.**

4. Ông Trần Gia Thường; sinh năm: 1984; nơi ĐKHKTT: Số 18 hẻm 41/6, ngõ 509, đường Đại Mỗ, phường Đại Mỗ, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội. **Có mặt.**

5. Ông Nguyễn Văn Đức; sinh năm: 1962; nơi ĐKHKTT: Xóm 13, xã Xuân Thượng, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định. **Có mặt.**

** Người làm chứng:*

1. Bà Lê Hồng Hạnh; sinh năm: 1975; nơi ĐKHKTT: Khu phố Tân Lập, phường Đình Bảng, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh. **Vắng mặt.**

2. Bà Vũ Thị Dung; sinh năm: 1988; nơi ĐKHKTT: Thôn Làng Móng, xã Hoàn Sơn, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh. **Vắng mặt.**

3. Bà Nguyễn Thị H; sinh năm: 1990; Nơi ĐKKHKT: xã An Khánh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

4. Chị Đinh Thị Thanh Thủy; sinh năm: 1998; Nơi ĐKKHKT: Thôn Hương Ninh, xã Hồng Kỳ, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

** Người tham gia tố tụng khác:*

1. Ông Nguyễn Hữu Bình, sinh năm 1983, cán bộ phụ trách tin học TAND tỉnh Bắc Ninh. Có mặt tại điểm cầu trung tâm.

2. Cán bộ phụ trách tin học thuộc Trại tạm giam công an tỉnh Bắc Ninh. Có mặt tại điểm cầu thành phần.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung được tóm tắt như sau:

I. Đối với hành vi của bị cáo Trần Văn T: Công ty TNHH sản xuất và thương mại thép Tiến T (viết tắt là công ty Tiến T) có trụ sở tại số nhà 108 đường Lý Thường Kiệt, khu phố Trịnh Xá, phường Châu Khê, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh, được thành lập từ tháng 3/2016 do Trần Văn T làm giám đốc. Công ty TNHH sản xuất và thương mại Trần Gia Linh (viết tắt là công ty Trần Gia Linh) có trụ sở tại khu phố Đa Hội, phường Châu Khê, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh được thành lập từ tháng 11/2017 do Trần Thị Thơm, sinh năm 1984, trú tại khu phố Đa Hội, phường Châu Khê, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh (là vợ T) đứng tên giám đốc. Công ty Tiến T và công ty Trần Gia Linh có ngành nghề kinh doanh chính là bán buôn kim loại và quặng kim loại, mọi hoạt động kinh doanh đều do Trần Văn T quản lý, điều hành.

Khi quản lý, điều hành 02 công ty trên, trong quá trình kinh doanh, có nhiều người đến gặp và đặt vấn đề mua hóa đơn khống (không có hàng hóa, dịch vụ kèm theo), thấy có lợi nhuận nên T đồng ý sử dụng hóa đơn của công ty Tiến T và công ty Trần Gia Linh bán cho khách hàng để thu lợi bất chính. Sau đó, T mua hóa đơn của các Công ty khác để hợp thức hóa đầu vào. Để tránh bị phát hiện việc mua bán khống hóa đơn, tháng 02/2022, T nhờ bạn là Trần Văn Cơ, sinh năm 1981, trú tại khu phố Đa Hội, phường Châu Khê, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh thành lập và đứng tên giám đốc công ty TNHH sản xuất và dịch vụ Phúc Hưng (viết tắt là công ty Phúc Hưng), có địa chỉ trụ sở tại cụm công nghiệp thuộc phường Châu Khê, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh ngành nghề kinh doanh chính là bán buôn kim loại và quặng kim loại. Mọi hoạt động kinh doanh của công ty Phúc Hưng do T quản lý điều hành nhằm mục đích mua bán hóa đơn khống.

Từ năm 2019 đến năm 2022, trong quá trình điều hành hoạt động kinh doanh. Thấy việc mua, bán khống hóa đơn GTGT kiếm lợi nhuận dễ dàng nên Trần Văn T đã thực hiện để kiếm lời bất chính. Quá trình điều tra đã xác định được hành vi phạm tội của Trần Văn T như sau.

1. Đối với hành vi bán trái phép hóa đơn GTGT không:

Khi khách cần mua hóa đơn GTGT không sẽ trực tiếp gặp T hoặc điện thoại cho T cung cấp thông tin công ty và số liệu về mặt hàng, khối lượng, giá trị. T trực tiếp soạn thảo hợp đồng, biên bản giao nhận hàng hóa và đánh máy nội dung hóa đơn (hóa đơn điện tử) hoặc nhờ vợ là Trần Thị Thơm viết nội dung trên hóa đơn GTGT theo thông tin, số liệu T cung cấp (hóa đơn giấy). Sau đó, T trực tiếp ký hợp đồng, hóa đơn, chứng từ của công ty Tiến T; nhờ vợ và bạn là Trần Văn Cơ ký hợp đồng, hóa đơn, chứng từ của công ty Trần Gia Linh, công ty Phúc Hưng. Sau khi hoàn thiện các thủ tục, T trả hợp đồng, hóa đơn, chứng từ khống cho khách qua chuyển phát nhanh hoặc khách hàng trực tiếp đến lấy hoặc nhân viên của khách hàng đến lấy.

Để hợp thức hóa việc bán hóa đơn GTGT khống nêu trên, khách mua hóa đơn sẽ thanh toán chuyển trả tiền vào tài khoản ngân hàng của cho công ty Tiến T, công ty Trần Gia Linh, công ty Phúc Hưng. Sau đó, T trực tiếp hoặc nhờ vợ hoặc cháu là Trần Thị Dung, sinh năm 2000, trú tại khu phố Đa Hội, phường Châu Khê, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh ra ngân hàng rút tiền. Đối với các khoản tiền T nhờ vợ hoặc cháu rút ra thì sau khi rút tiền, vợ và cháu T chuyển lại toàn bộ số tiền đã rút cho T, không hưởng lợi gì. T giữ lại số tiền bán hóa đơn GTGT khống tương ứng 2,03% giá trị tiền hàng ghi trên hóa đơn; số tiền còn lại T trả lại cho khách bằng tiền mặt. Việc thanh toán tiền mua, bán hóa đơn nêu trên giữa T và khách hàng mua hóa đơn không có giấy tờ, sổ sách hay chứng từ ghi chép lại.

Với cách thức như trên, tổng cộng Trần Văn T đã sử dụng 1.809 số hóa đơn GTGT của công ty Tiến T, công ty Trần Gia Linh và công ty Phúc Hưng có tổng giá trị tiền hàng là 1.253.360.685.033 đồng, tiền thuế là 125.336.068.503 đồng bán cho nhiều khách hàng xuất về nhiều công ty khác nhau với giá 2,03% giá trị tiền hàng ghi trên hóa đơn. Đối với khách hàng liên hệ mua hóa đơn của T thì họ đều giới thiệu là nhân viên công ty cần xuất hóa đơn, đến nay T không nhớ rõ được nhân thân, lai lịch của những người mua hóa đơn. Riêng công ty TNHH sản xuất và cơ khí Tài Đức và công ty TNHH dịch vụ và thương mại thép Tài Đức có địa chỉ tại quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội là do giám đốc Đặng Thị H liên hệ, giao dịch mua hóa đơn của T; công ty cổ phần thương mại thép Phương Đông có địa chỉ tại thành

phố Hà Nội là do giám đốc Nguyễn Đức H liên hệ, giao dịch mua hóa đơn của T; công ty Tùng Lâm Phát và công ty Gia Huy BN có địa chỉ tại thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh do Trần Thị Hương liên hệ, giao dịch mua hóa đơn của T.

2. Đối với hành vi mua khống hóa đơn GTGT đầu vào:

Sau khi sử dụng hóa đơn của công ty Tiến T, công ty Trần Gia Linh, công ty Phúc Hưng bán khống cho khách hàng, T liên lạc với người tên Hoa (không rõ nhân thân, địa chỉ cụ thể) để mua hóa đơn GTGT khống nhằm hợp thức hóa số lượng hàng hóa trên các số hóa đơn đã bán khống. Sau đó, Hoa chuyển cho T hợp đồng mua bán, biên bản giao nhận hàng hóa, hóa đơn GTGT khống, giấy rút tiền đã có chữ ký của giám đốc và dấu của công ty xuất hóa đơn khống qua đường chuyển phát nhanh hoặc xe ô tô khách (không rõ xe nào). Đối với các hóa đơn mua khống để hợp thức hóa đơn bán khống xuất về công ty Tiến T thì T ký vào hợp đồng và các thủ tục khác còn các hóa đơn xuất về công ty Trần Gia Linh hoặc công ty Phúc Hưng thì T bảo và đưa cho Thơm và Cơ ký vào các hợp đồng và các thủ tục khác.

Để hợp thức hóa việc thanh toán tiền qua ngân hàng đối với các hóa đơn đơn mua khống, T trực tiếp hoặc nhờ vợ là Trần Thị Thơm mang tiền, ủy nhiệm chi của công ty Tiến T, công ty Trần Gia Linh, công ty Phúc Hưng ra ngân hàng nộp và chuyển tiền vào tài khoản công ty xuất hóa đơn khống. Sau đó, T đưa giấy rút tiền của công ty xuất khống hóa đơn (đã được ký, đóng dấu khống) và nhờ Trần Thị Dung (cháu của T) rút tiền từ tài khoản của các công ty xuất hóa đơn ra đưa lại cho T. Đối với số tiền mua hóa đơn, T trả cho Hoa bằng tiền mặt. Việc thanh toán tiền mua, bán hóa đơn nêu trên giữa T và Hoa không có giấy tờ, sổ sách hay chứng từ ghi chép lại.

Với cách thức như trên, T đã mua 984 số hóa đơn GTGT khống của các công ty có trụ sở tại thành phố Hà Nội, thành phố Hải Phòng, tỉnh Hòa Bình và tỉnh Hà Nam với tổng giá trị tiền hàng là 1.253.191.053.774 đồng, tiền thuế là 125.319.105.377 đồng, với giá là 2% giá trị tiền hàng trên hóa đơn.

Khi T nhờ Thơm và Cơ đứng tên giám đốc công ty Trần Gia Linh, công ty Phúc Hưng và ký vào các hợp đồng, hóa đơn của các công ty này, cũng như việc T nhờ Dung nộp, rút tiền từ các tài khoản ngân hàng thì T không nói cho Thơm, Cơ và Dung biết là để mua bán hóa đơn khống. Bản thân Thơm, Cơ và Dung cũng không biết gì việc T mua bán hóa đơn khống. Thơm, Cơ và Dung chỉ thực hiện việc ký hóa đơn chứng từ hoặc nộp, chuyển tiền, nhận tiền theo chỉ đạo của T và không được hưởng lợi gì.

Để kê khai báo cáo thuế và làm báo cáo tài chính, Trần Văn T thuê Lê Hồng Hạnh, sinh năm 1975, trú tại khu phố Tân Lập, phường Đình Bảng, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh làm kế toán thuế cho công ty Tiến T và Vũ Thị Dung, sinh năm 1988, trú tại thôn Làng Móng, xã Hoàn Sơn, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh làm kế toán thuế cho công ty Trần Gia Linh, công ty Phúc Hưng. Hàng quý khi đến kỳ báo cáo thuế, T chuyển các hóa đơn, chứng từ của công ty Tiến T, công ty Trần Gia Linh, công ty Phúc Hưng cho Hạnh và Dung kê khai báo cáo thuế. T không trao đổi cho Hạnh, Dung biết việc T mua bán trái phép hóa đơn. Hạnh và Dung chỉ làm báo cáo thuế tại nhà không đến công ty làm việc nên Hạnh và Dung không biết T mua bán hóa đơn không.

3. Về số tiền hưởng lợi từ việc mua bán trái phép hóa đơn của T:

Với việc mua hóa đơn đầu vào với giá trị 2%/ tổng giá trị tiền hàng chưa thuế ghi trên hóa đơn và bán ra với giá 2,03%/ tổng giá trị tiền hàng chưa thuế ghi trên hóa đơn như đã nêu trên, Trần Văn T được hưởng lợi như sau:

- Số tiền mua không hóa đơn đầu vào là: $1.253.191.053.774đ \times 2\%$ (giá mua) = 25.063.821.075 đồng.

- Số tiền bán không hóa đơn đầu ra là: $1.253.360.685.033đ \times 2,03\%$ (giá bán) = 25.443.221.906 đồng.

- Số tiền Trần Văn T hưởng lợi từ việc mua, bán hóa đơn là: 25.443.221.906 đồng - 25.063.821.075 đồng = 379.400.831 đồng.

*** Cơ quan điều tra tiến hành xác minh các công ty sử dụng hóa đơn GTGT không của công ty Tiến T, công ty Trần Gia Linh và công ty Phúc Hưng, xác định như sau:**

- Đối với công ty cơ khí Tài Đức, công ty dịch vụ Tài Đức và công ty Phương Đông là do Đặng Thị H, sinh năm 1985, trú tại số 18 hẻm 41/6, ngõ 509, đường Đại Mỗ, phường Đại Mỗ, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội và Nguyễn Đức H, sinh năm 1986, trú tại số 29, ngõ 91, tổ 14, phường Kiến Hưng, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội mua không hóa đơn của Trần Văn T để hợp thức hóa các sổ hóa đơn đã bán không.

- Đối với công ty TNHH thép Tùng Lâm Phát VN và công ty TNHH đầu tư thương mại Gia Huy BN do Trần Thị Hường, sinh năm 1989, trú tại khu phố Đa Hội, phường Châu Khê, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh mua không của Trần Văn T. Cơ quan điều tra đã khởi tố vụ án hình sự số 08/QĐ-ANĐT ngày 30/09/2022, khởi tố bị can số 65/QĐ-ANĐT ngày 17/11/2022 đối với Trần Thị Hường trong vụ án “Phạm Thị Hạnh cùng đồng bọn mua bán trái phép hóa đơn” xảy ra tại thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh và ra quyết định

tách hành vi Trần Thị Hương để giải quyết trong vụ án khác theo quy định của pháp luật.

- Đối với 93 công ty có số tiền thuế trên 100 triệu đồng: Đại diện các công ty này hầu hết trình bày mua hàng qua trung gian hoặc mua hàng của người không rõ lai lịch giới thiệu là nhân viên công ty Tiến T, công ty Trần Gia Linh, công ty Phúc Hưng hoặc do nhân viên thực hiện mua hàng (hiện không còn làm việc tại công ty, không xác định được lai lịch cụ thể, nơi ở hiện tại), đã thanh toán đầy đủ tiền hàng cho công ty Tiến T, công ty Trần Gia Linh, công ty Phúc Hưng qua chuyển khoản ngân hàng.

- Đối với 48 công ty có số tiền thuế dưới 100 triệu đồng: Cơ quan An ninh điều tra đã gửi công văn yêu cầu cung cấp tài liệu và giải trình về việc nhận hóa đơn của công ty Tiến T, công ty Trần Gia Linh, công ty Phúc Hưng. Đại diện các công ty này đều giải trình mua hàng của công ty Tiến T, công ty Trần Gia Linh, công ty Phúc Hưng, được xuất trả hóa đơn và đã thanh toán tiền hàng đầy đủ bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản qua ngân hàng.

II. Đối với hành vi của bị cáo Đặng Thị H: Đặng Thị H đứng tên giám đốc Công ty TNHH sản xuất cơ khí và thương mại thép Tài Đức (công ty cơ khí Tài Đức) có trụ sở tại số 18 hẻm 41/6, ngõ 509, đường Đại Mỗ, phường Đại Mỗ, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, được thành lập từ tháng 10/2015 với ngành nghề kinh doanh chính là gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại và Công ty TNHH dịch vụ và thương mại thép Tài Đức (công ty dịch vụ Tài Đức), có trụ sở tại số 3 ngõ 371/23/38 đường Đại Mỗ, phường Đại Mỗ, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, được thành lập từ tháng 3/2015 với ngành nghề kinh doanh chính là bán buôn kim loại và quặng kim loại.

Đến tháng 3/2021 thì do Trần Gia Thường, sinh năm 1984 (là chồng H) đứng tên giám đốc Công ty TNHH sản xuất cơ khí và thương mại thép Tài Đức. Tuy nhiên, cả hai công ty đều do Đặng Thị H quản lý, điều hành. Công ty cơ khí Tài Đức đăng ký tài khoản số 22010000654136 tại ngân hàng tại ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam; Công ty dịch vụ Tài Đức đăng ký tài khoản số 11610000037922 tại ngân hàng tại ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam.

Quá trình quản lý điều hành hoạt động kinh doanh của 02 công ty trên, có nhiều khách hàng hỏi và đặt mua hóa đơn GTGT không và thấy kiếm lợi nhuận dễ dàng nên Đặng Thị H đã thực hiện để kiếm lời bất chính. Quá trình điều tra đã xác định được hành vi phạm tội của Đặng Thị H như sau.

1. Đối với hành vi bán trái phép hóa đơn GTGT không:

Khi khách hàng cần mua hóa đơn GTGT không sẽ liên hệ với H trao đổi, thỏa thuận về giá cả. Khi H đồng ý bán hóa đơn không thì người mua hóa đơn gửi thông tin về công ty và số liệu về mặt hàng, khối lượng, giá trị cho H. Sau đó, H trực tiếp soạn thảo hợp đồng, biên bản giao nhận hàng hóa và viết nội dung trên hóa đơn GTGT. Sau khi soạn xong, H trực tiếp ký vào hợp đồng, hóa đơn, biên bản giao nhận hàng hóa của công ty cơ khí Tài Đức và công ty dịch vụ Tài Đức; riêng hợp đồng, hóa đơn, biên bản giao nhận, chứng từ khác của công ty cơ khí Tài Đức từ tháng 3/2021 đến nay H đưa cho chồng là Trần Gia Thường ký (giai đoạn Thường đứng tên giám đốc). Sau đó, H chuyển trực tiếp cho khách hàng mua hóa đơn hoặc nhân viên của khách hàng mua hóa đơn hoặc H chuyển phát nhanh qua đường bưu điện cho khách hàng.

Để hợp thức hóa việc thanh toán tiền qua ngân hàng đối với các số hóa đơn GTGT không nêu trên, khách hàng mua hóa đơn sử dụng tài khoản của công ty nhận hóa đơn chuyển đến tài khoản của công ty cơ khí Tài Đức và công ty dịch vụ Tài Đức. Sau đó, H trực tiếp rút tiền từ tài khoản ra và giữ lại số tiền bán hóa đơn GTGT không tương ứng 2,15% giá trị tiền hàng ghi trên hóa đơn, số tiền còn lại trả lại cho khách bằng tiền mặt. Việc thanh toán tiền mua, bán hóa đơn nêu trên giữa H và khách mua hóa đơn không có giấy tờ, sổ sách hay chứng từ ghi chép lại.

Với cách thức như trên, H đã sử dụng **541 số hóa đơn GTGT của công ty cơ khí Tài Đức và công ty dịch vụ Tài Đức**, có tổng giá trị tiền hàng là 177.030.691.704 đồng, tiền thuế là 17.703.069.170 đồng bán cho khách hàng với giá 2,15% giá trị tiền hàng trên hóa đơn.

2. Đối với hành vi mua không hóa đơn GTGT đầu vào:

Sau khi sử dụng hóa đơn của công ty cơ khí Tài Đức và công ty dịch vụ Tài Đức bán không cho khách hàng, H liên lạc với Trần Văn T để mua hóa đơn GTGT không nhằm hợp thức hóa số lượng hàng hóa trên các số hóa đơn đã bán không. Sau đó, T chuyển hợp đồng, biên bản giao nhận hàng hóa và hóa đơn GTGT không cho H qua đường chuyển phát nhanh hoặc qua người lái xe ôm hoặc giao trực tiếp cho H.

Để hợp thức hóa việc thanh toán tiền đối với các hóa đơn GTGT mua không nêu trên, H nộp tiền vào tài khoản và dùng ủy nhiệm chi của công ty cơ khí Tài Đức và công ty dịch vụ Tài Đức chuyển tiền đến tài khoản của các công ty xuất hóa đơn do T quản lý, điều hành. Sau đó, T rút tiền, giữ lại tiền bán hóa đơn GTGT không tương ứng 2,1% giá trị tiền hàng trên hóa đơn, số tiền còn lại trả lại cho H bằng tiền mặt. Việc thanh toán tiền mua, bán hóa đơn nêu trên giữa H và T không có giấy tờ, sổ sách hay chứng từ ghi chép lại.

Với cách thức như trên, H đã mua **345 số hóa đơn GTGT không** của T quản lý điều hành xuất ra, tổng giá trị tiền hàng ghi trên hóa đơn là 176.766.306.446 đồng, tiền thuế là 17.676.630.644 đồng, với giá là 2,1% giá trị tiền hàng trên hóa đơn. Tuy nhiên, Trần Văn T khai bán hóa đơn GTGT không cho H với giá 2,03% giá trị tiền hàng trên hóa đơn. Cơ quan điều tra đã tiến hành cho H và T đối chất với nhau nhưng các bên vẫn giữ nguyên lời khai và không đưa ra được tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh.

Hàng tháng, H chuyển các hóa đơn, chứng từ của cho công ty cơ khí Tài Đức và công ty dịch vụ Tài Đức cho Nguyễn Thị H, sinh năm 1990, trú tại xã An Khánh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội là kế toán thuế để kê khai báo cáo thuế.

Khi H nhờ Trần Gia Thường đứng tên giám đốc và ký vào các hóa đơn chứng từ của công ty cơ khí Tài Đức và nhờ Nguyễn Thị H kê khai báo cáo thuế cho công ty cơ khí Tài Đức và công ty dịch vụ Tài Đức thì H không nói cho Thường và Nguyễn Thị H biết việc mua bán hóa đơn không. Thường và Nguyễn Thị H chỉ làm theo chỉ đạo của H. Nguyễn Thị H làm báo cáo thuế tại nhà không đến công ty làm việc nên không biết H mua bán hóa đơn không.

3. Về số tiền hưởng lợi từ việc mua bán trái phép hóa đơn của H:

Với việc mua hóa đơn đầu vào với giá trị 2,1%/ tổng giá trị tiền hàng chưa thuế ghi trên hóa đơn và bán ra với giá 2,15%/ tổng giá trị tiền hàng chưa thuế ghi trên hóa đơn như đã nêu trên, Đặng Thị H được hưởng lợi như sau:

- Số tiền mua không 345 hóa đơn đầu vào là: 176.766.306.446 đồng x 2,1% (giá mua) = 3.712.092.435 đồng.

- Số tiền bán không 541 hóa đơn đầu ra là: 177.030.691.704 đồng x 2,15% (giá bán) = 3.806.159.871 đồng.

- Số tiền Đặng Thị H hưởng lợi từ việc mua, bán hóa đơn là: 3.806.159.871 đồng - 3.712.092.435 đồng = 94.067.436 đồng.

Đến nay Đặng Thị H đã tự nguyện nộp lại toàn bộ số tiền 94.067.436 đồng để khắc phục hậu quả.

* Cơ quan điều tra tiến hành xác minh các công ty sử dụng hóa đơn không của công ty cơ khí Tài Đức và công ty dịch vụ Tài Đức, xác định như sau:

- Đối với 29 công ty có số tiền thuế trên 100 triệu đồng: Đại diện các công ty này đều trình bày mua hàng qua trung gian hoặc mua hàng của người không rõ lai lịch giới thiệu là nhân viên công ty cơ khí Tài Đức hoặc công ty dịch vụ Tài Đức hoặc do nhân viên thực hiện mua hàng (hiện không còn làm việc tại công ty, không xác định được lai lịch cụ thể, nơi ở hiện tại), đã thanh

toán đầy đủ tiền mua hàng cho công ty cơ khí Tài Đức, công ty dịch vụ Tài Đức qua chuyển khoản ngân hàng.

- Đối với 45 công ty có số tiền thuế dưới 100 triệu đồng: Cơ quan điều tra đã gửi công văn yêu cầu cung cấp tài liệu và giải trình về việc nhận hóa đơn của công ty cơ khí Tài Đức, công ty dịch vụ Tài Đức. Đại diện các công ty này đều giải trình mua hàng của công ty cơ khí Tài Đức, công ty dịch vụ Tài Đức, được xuất trả hóa đơn và đã thanh toán hết tiền hàng bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản qua ngân hàng.

III. Đối với hành vi của bị cáo Nguyễn Đức H: Nguyễn Đức H làm giám đốc Công ty cổ phần thương mại thép Phương Đông (công ty Phương Đông) có trụ sở tại số 5 hẻm 371/2/10 phố Kim Mã, Phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội, đăng ký kinh doanh ngành nghề kinh doanh là sản xuất sắt thép, gang; buôn bán kim loại và quặng kim loại.

Quá trình điều hành kinh doanh, do nhiều khách hàng có nhu cầu mua hóa đơn GTGT không và thấy kiếm lợi nhuận dễ dàng nên Nguyễn Đức H đã thực hiện để kiếm lời bất chính. Quá trình điều tra đã xác định được hành vi phạm tội của Đặng Thị H như sau.

1. Đối với hành vi bán trái phép hóa đơn GTGT không:

Khi khách hàng cần mua hóa đơn GTGT không sẽ liên lạc với Nguyễn Đức H để trao đổi để mua bán hóa đơn. Sau đó, H chỉ đạo Đinh Thị Thanh Thủy, sinh năm 1998, trú tại thôn Hương Ninh, xã Hồng Kỳ, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội (là kế toán công ty Phương Đông) soạn thảo hợp đồng, biên bản giao nhận hàng hóa, viết nội dung trên hóa đơn GTGT theo thông tin và số liệu do H cung cấp. Sau khi soạn xong, H trực tiếp ký vào hợp đồng, hóa đơn, biên bản giao nhận hàng hóa và đóng dấu của công ty Phương Đông rồi chuyển cho khách qua đường chuyển phát nhanh hoặc những người lái xe ôm (không rõ nhân thân, lai lịch cụ thể).

Để hợp thức hóa việc thanh toán tiền qua ngân hàng đối với những hóa đơn bán không, người mua hóa đơn sẽ sử dụng sử dụng tài khoản ngân hàng của công ty nhận hóa đơn chuyển tiền đến tài khoản của công ty Phương Đông. Sau đó, H trực tiếp rút tiền từ tài khoản của công ty Phương Đông, giữ lại số tiền bán hóa đơn GTGT không tương ứng 3,1% giá trị tiền hàng ghi trên hóa đơn; số tiền còn lại H trả lại cho khách bằng tiền mặt. Việc thanh toán tiền mua, bán hóa đơn nêu trên giữa H và khách hàng mua hóa đơn không không có giấy tờ, sổ sách hay chứng từ ghi chép lại.

Với cách thức như trên, H đã sử dụng **107 số hóa đơn GTGT của công ty Phương Đông** có tổng giá trị tiền hàng là 42.272.791.166 đồng, tiền thuế

là 4.227.279.116 đồng bán cho khách với giá 3,1% giá trị tiền hàng ghi trên hóa đơn.

2. Đối với hành vi mua không hóa đơn GTGT đầu vào:

Sau khi bán hóa đơn GTGT không, H liên lạc với Trần Văn T để mua hóa đơn GTGT không (không có hàng hóa, dịch vụ kèm theo) tương ứng với số lượng, giá trị, mặt hàng trên hóa đơn của công ty Phương Đông đã bán không. Sau đó, T gửi cho H hợp đồng, biên bản giao nhận hàng hóa, hóa đơn GTGT không qua đường chuyển phát nhanh hoặc những người lái xe ôm (không rõ nhân thân, lai lịch cụ thể).

Để hợp thức hóa việc thanh toán tiền qua ngân hàng đối với các hóa đơn mua, bán không, T sử dụng tài khoản của công ty Phương Đông chuyển tiền đến tài khoản của công ty Tiến T và công ty Trần Gia Linh. Sau đó, T rút tiền ra, giữ lại tiền bán hóa đơn GTGT không tương ứng 3% giá trị tiền hàng trên hóa đơn, số tiền còn lại trả lại cho H bằng tiền mặt. Việc thanh toán tiền mua, bán hóa đơn nêu trên giữa H và T không có giấy tờ, sổ sách hay chứng từ ghi chép lại.

Với cách thức như trên, H đã mua tổng số **73 số hóa đơn GTGT không** của công ty Tiến T và công ty Trần Gia Linh do Trần Văn T quản lý, điều hành, tổng giá trị tiền hàng là 42.188.264.039 đồng, tiền thuế là 4.218.826.403 đồng, với giá 3% giá trị tiền hàng trên hóa đơn để kê khai, hợp thức hóa cho các hóa đơn đã bán không. Tuy nhiên, Trần Văn T khai bán hóa đơn GTGT không cho H với giá 2,03% giá trị tiền hàng trên hóa đơn. Cơ quan điều tra đã cho H và T đối chất giữa nhưng các bên vẫn giữ nguyên lời khai và không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh. Tất cả quá trình Thủy chỉ làm theo chỉ đạo của H không được hưởng lợi cũng như không biết H mua bán trái phép hóa đơn như thế nào.

3. Về số tiền hưởng lợi từ việc mua bán trái phép hóa đơn của H:

Với việc mua hóa đơn đầu vào với giá trị 3%/ tổng giá trị tiền hàng chưa thuế ghi trên hóa đơn và bán ra với giá 3,1%/ tổng giá trị tiền hàng chưa thuế ghi trên hóa đơn như đã nêu trên, Nguyễn Đức H được hưởng lợi như sau:

- Số tiền mua không 73 hóa đơn đầu vào là: 42.188.264.039 đồng x 3% (giá mua) = 1.265.647.921 đồng.

- Số tiền bán không 107 hóa đơn đầu ra là: 42.272.791.166 đồng x 3,1% (giá bán) = 1.310.456.526 đồng.

- Số tiền Nguyễn Đức H hưởng lợi từ việc mua, bán hóa đơn là: 1.310.456.526 đồng - 1.265.647.921 đồng = 44.808.605 đồng.

Đến nay gia đình của H (Ông Nguyễn Văn Đức; sinh năm: 1962; nơi ĐHKTT: Xóm 13, xã Xuân Thượng, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định,

là bộ đề của H) đã tự nguyện nộp lại toàn bộ số tiền 44.808.605 đồng để khắc phục hậu quả.

Quá trình điều tra, truy tố, Trần Văn T, Đặng Thị H và Nguyễn Đức H đã đến Công an đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại Bản Cáo trạng số: 117/CT-VKSBN-P1 ngày 05/9/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh đã truy tố bị cáo Trần Văn T về tội “Mua bán trái phép hóa đơn” theo điểm d, đ khoản 2 Điều 203 Bộ luật hình sự; bị cáo Đặng Thị H, Nguyễn Đức H về tội “Mua bán trái phép hóa đơn” theo điểm d khoản 2 Điều 203 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đều khai nhận toàn bộ hành vi mua, bán hóa đơn không như cáo trạng đã truy tố. Các bị cáo khai nhận:

Trong khoảng thời gian từ năm 2019 đến năm 2022, với vai trò là người quản lý, điều hành mọi hoạt động của Công ty Tiến T, Công ty Trần Gia Linh và Công ty Phúc Hưng. Trần Văn T đã có hành vi bán không 1.809 số hóa đơn GTGT đã ghi nội dung cho 146 công ty, tổng giá trị tiền hàng ghi trên hóa đơn 1.253.360.685.033 đồng, tiền thuế là 125.336.068.503 đồng, với giá 2,03% giá trị tiền hàng ghi trên hóa đơn (trong đó bán cho Đặng Thị H 345 số hóa đơn GTGT và bán cho Nguyễn Đức H 73 số hóa đơn GTGT và sử dụng 1.391 số hóa đơn bán cho những người không quen biết xuất về 143 Công ty có trụ sở ở nhiều tỉnh, thành trên cả nước, trong đó bán cho Trần Thị Hương xuất về công ty TNHH thương mại Tùng Lâm Phát và công ty TNHH đầu tư thương mại Gia Huy Bắc Ninh), đồng thời T đã mua của người tên Hoa (không rõ địa chỉ cụ thể) 984 số hóa đơn GTGT do nhiều công ty có trụ sở tại thành phố Hà Nội, thành phố Hải Phòng, tỉnh Hòa Bình và tỉnh Hà Nam xuất ra, tổng giá trị tiền hàng ghi trên hóa đơn là 1.253.191.053.774 đồng, tiền thuế là 125.319.105.377 đồng, với giá là 2% giá trị tiền hàng trên hóa đơn. Tổng số tiền T hưởng lợi bất chính là **379.400.831 đồng**.

Đặng Thị H khai nhận là người quản lý, điều hành 2 công ty là Công ty TNHH sản xuất cơ khí và thương mại thép Tài Đức và Công ty TNHH dịch vụ và thương mại thép Tài Đức đã mua của Trần Văn T 345 số hóa đơn GTGT tổng giá trị tiền hàng ghi trên hóa đơn là 176.766.306.446 đồng nhằm mục đích hợp thức hóa việc H sử dụng 541 số hóa đơn, tổng giá trị tiền hàng ghi trên hóa đơn là 177.030.691.704 đồng, tiền thuế là 17.703.069.170 đồng của 02 công ty trên bán không cho những người không quen biết xuất về 74 công ty khác nhau với giá 2,15% giá trị tiền hàng ghi trên hóa đơn. Tổng cộng, Đặng Thị H mua, bán là 886 số hóa đơn, được hưởng lợi là **94.067.436**

đồng. Nguyễn Đức H khai nhận là người quản lý, điều hành Công ty Phương Đông đã mua 73 số hóa đơn GTGT của Trần Văn T có tổng giá trị tiền hàng ghi trên hóa đơn là 42.188.264.039 đồng nhằm hợp thức hóa việc H đã sử dụng 107 số hóa đơn của Công ty Phương Đông bán cho những người không quen biết xuất về 14 Công ty khác nhau với giá 3,1% giá trị tiền hàng ghi trên hóa đơn. Tổng cộng, Nguyễn Đức H mua, bán là 180 số hóa đơn, được hưởng lợi là **44.808.605 đồng.**

Các bị cáo đều nhận thức được hành vi của mình là trái pháp luật, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Gia Thường trình bày: Tháng 3/2021 ông đứng tên giám đốc Công ty TNHH sản xuất cơ khí và thương mại thép Tài Đức tuy nhiên mọi hoạt động của công ty do H điều hành và quản lý. Ông không biết về việc H mua bán hóa đơn cũng như không được hưởng lợi gì từ việc đó.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Thơm trình bày: Công ty TNHH sản xuất và thương mại Trần Gia Linh là do bà Thơm làm giám đốc tuy nhiên mọi hoạt động của công ty do chồng bà là bị cáo T điều hành và quản lý. Bà không biết về việc bị cáo T mua bán hóa đơn. Bà đã tự nguyện nộp 50 triệu đồng để khắc phục hậu quả cho bị cáo T, bà không có yêu cầu gì về số tiền này, đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Đức trình bày: Ông tự nguyện nộp số tiền 44.808.605 đồng để khắc phục hậu quả cho bị cáo H, ông không có yêu cầu gì về khoản tiền này, đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh thực hành quyền công tố tại phiên tòa phát biểu luận tội giữ nguyên Bản cáo trạng truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Trần Văn T, Đặng Thị H và Nguyễn Đức H phạm tội “Mua bán trái phép hóa đơn”.

Áp dụng điểm d, đ khoản 2, khoản 3 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Trần Văn T từ 24 đến 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 48 đến 60 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bổ sung bị cáo 50 triệu đồng sung ngân sách Nhà nước.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 35 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Đặng Thị H từ 250 đến 280 triệu đồng.

Áp dụng điểm d khoản 2, khoản 3 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Đức H từ 12 đến 15 tháng tù. Phạt bổ sung bị cáo từ 10 đến 20 triệu đồng sung ngân sách Nhà nước.

Buộc các bị cáo phải nộp lại số tiền thu lợi từ việc mua bán trái phép hóa đơn sung Ngân sách Nhà nước. Và đề nghị tạm giữ số tiền các bị cáo đã nộp trong quá trình điều tra và trước khi xét xử sơ thẩm.

Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến gì tranh luận, các bị cáo chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Trong quá trình điều tra, truy tố. Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng nên các quyết định, hành vi của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2]. Về tội danh: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy có đủ cơ sở để kết luận:

Trong khoảng thời gian từ năm 2019 đến năm 2022, với vai trò là người quản lý, điều hành mọi hoạt động của Công ty TNHH sản xuất và thương mại thép Tiến T, Công ty TNHH sản xuất và thương mại Trần Gia Linh và Công ty TNHH sản xuất và dịch vụ Phúc Hưng đều có trụ sở tại phường Châu Khê, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh, Trần Văn T đã có hành vi sử dụng hóa đơn của 03 Công ty trên xuất bán không 1.809 số hóa đơn GTGT đã ghi nội dung cho 146 công ty, tổng giá trị tiền hàng ghi trên hóa đơn 1.253.360.685.033 đồng, tiền thuế là 125.336.068.503 đồng, với giá 2,03% giá trị tiền hàng ghi trên hóa đơn, gồm:

- Sử dụng 345 số hóa đơn GTGT có tổng giá trị tiền hàng ghi trên hóa đơn là 176.766.306.446 đồng, tiền thuế là 17.676.630.644 đồng bán cho Đặng Thị H xuất về Công ty TNHH sản xuất cơ khí và thương mại thép Tài Đức và Công ty TNHH dịch vụ và thương mại thép Tài Đức đều có trụ sở tại phường Đại Mỗ, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội do H là người quản lý, điều hành. Mục đích H mua hóa đơn của T để nhằm hợp thức hóa việc H sử dụng 541 số hóa

đơn, tổng giá trị tiền hàng ghi trên hóa đơn là 177.030.691.704 đồng, tiền thuế là 17.703.069.170 đồng của 02 công ty trên bán không cho những người không quen biết xuất về 74 công ty khác nhau với giá 2,1% giá trị tiền hàng ghi trên hóa đơn. Tổng cộng, Đặng Thị H mua, bán là 886 số hóa đơn, được hưởng lợi là **94.067.436 đồng**.

- Sử dụng 73 số hóa đơn có tổng giá trị tiền hàng ghi trên hóa đơn là 42.188.264.039 đồng, tiền thuế là 4.218.826.403 đồng bán cho Nguyễn Đức H xuất về Công ty cổ phần thương mại thép Phương Đông có trụ sở tại phố Kim Mã, Phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội, do H là người quản lý, điều hành. Mục đích H mua hóa đơn của T để nhằm hợp thức hóa việc H đã sử dụng 107 số hóa đơn của Công ty Phương Đông bán cho những người không quen biết xuất về 14 Công ty khác nhau với giá 3,1% giá trị tiền hàng ghi trên hóa đơn. Tổng cộng, Nguyễn Đức H mua, bán là 180 số hóa đơn, được hưởng lợi là **44.808.605 đồng**.

- Sử dụng 1.391 số hóa đơn bán cho những người không quen biết xuất về 143 Công ty có trụ sở ở nhiều tỉnh, thành trên cả nước, trong đó bán cho Trần Thị Hương xuất về công ty TNHH thương mại Tùng Lâm Phát và công ty TNHH đầu tư thương mại Gia Huy BN.

Để hợp thức hóa số hóa đơn đã bán không, Trần Văn T đã mua của người tên Hoa (không rõ địa chỉ cụ thể) 984 số hóa đơn GTGT do nhiều công ty có trụ sở tại thành phố Hà Nội, thành phố Hải Phòng, tỉnh Hòa Bình và tỉnh Hà Nam xuất ra, tổng giá trị tiền hàng ghi trên hóa đơn là 1.253.191.053.774 đồng, tiền thuế là 125.319.105.377 đồng, với giá là 2% giá trị tiền hàng trên hóa đơn. Như vậy, Trần Văn T đã mua, bán 2.793 số hóa đơn, được hưởng lợi số tiền là **379.400.831 đồng**.

Do vậy, hành vi của bị cáo Trần Văn T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép hóa đơn” theo điểm d, đ khoản 2 Điều 203 Bộ luật hình sự; bị cáo Đặng Thị H và bị cáo Nguyễn Đức H đã đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép hóa đơn” theo điểm d khoản 2 Điều 203 Bộ luật hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh đã truy tố đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm tới trật tự quản lý hành chính của nhà nước về tài chính, kinh tế, gây mất trật tự trong sản xuất, kinh doanh do vậy việc đưa các bị cáo ra xét xử là cần thiết, đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật.

[4]. Xét vai trò, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, các yếu tố về nhân thân của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Về vai trò: Đây là vụ án đồng phạm có tính chất giản đơn, trong đó vai trò của các bị cáo là ngang nhau. Các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự tương ứng với số lượng hóa đơn mua bán trái phép và số tiền thu lợi bất chính.

Về nhân thân: Bị cáo T và bị cáo H có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Đối với bị cáo Nguyễn Đức H có nhân thân xấu, năm 2011 đã từng bị xử phạt 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” tại bản án hình sự sơ thẩm số 344/2011/HSST ngày 19/7/2011 của Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội bị cáo đã chấp hành xong bản án nên thuộc trường hợp đương nhiên được xóa án tích.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử các bị cáo đã khai báo thành khẩn do vậy đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ “*Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*” quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; Các bị cáo đã tác động đến gia đình hoặc tự nguyện nộp lại số tiền thu lợi bất chính, các bị cáo đã ra đầu thú. Ngoài ra, bị cáo H có ông nội Nguyễn Công Toại là liệt sĩ; bố đẻ Nguyễn Văn Đức là cựu chiến binh, được Chủ tịch UBND tỉnh Nam Định tặng Bằng khen và Ủy ban mặt trận tổ quốc Việt Nam tặng kỷ niệm chương về sự nghiệp đại đoàn kết dân tộc. Do vậy các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Trần Văn T, Đặng Thị H, Nguyễn Đức H không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

HĐXX xét thấy đối với bị cáo Trần Văn T có số lượng hóa đơn mua bán và thu lợi bất chính lớn nhất trong 3 bị cáo. Tuy nhiên, bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, đã nộp lại toàn bộ số tiền thu lợi bất chính là **379.400.831 đồng**, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS và không có tình tiết tăng nặng, có nơi cư trú rõ ràng nên cần chiếu cố khoan hồng phạt T mức hình phạt tù nhưng cho bị cáo cải tạo tại địa phương cũng đủ để giáo dục, răn đe bị cáo trở thành công dân tốt. Đối với Đặng Thị H có số lượng mua bán hóa đơn ít hơn bị cáo T và hưởng lợi bất chính dưới 100 triệu đồng, bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, đã nộp lại toàn bộ số tiền thu lợi bất chính là **94.067.436 đồng**, trước khi xét xử sơ thẩm bị cáo tiếp tục nộp thêm 200.200.000 đồng để đảm bảo việc chấp hành bản án, HĐXX xét thấy chỉ cần phạt bị cáo hình phạt tiền là hình phạt chính như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

Đối với bị cáo Nguyễn Đức H có số lượng hóa đơn mua bán và thu lợi ít nhất so với các bị cáo khác trong vụ án. Tuy nhiên bị cáo có nhân thân xấu, đã từng bị xét xử về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” nhưng không lấy đó làm bài học để cải sửa bản thân mà lại tiếp tục phạm tội nghiêm trọng. Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng hình phạt tù, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo, đồng thời răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Về hình phạt bổ sung: Do áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính đối với bị cáo H nên không áp dụng hình phạt bổ sung; các bị cáo T và H thực hiện hành vi phạm tội đều nhằm mục đích thu lợi bất chính nên cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[5]. Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền thu lợi bất chính của bị cáo Trần Văn T là 379.400.831 đồng; bị cáo Đặng Thị H là 94.067.436 đồng và bị cáo Nguyễn Đức H là 44.808.605 đồng.

[6]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7]. Quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[8]. Về các vấn đề liên quan trong vụ án:

- Đối với người phụ nữ tên Hoa, theo T khai đã sử dụng hóa đơn của các công ty có trụ sở tại thành phố Hải Phòng, thành phố Hà Nội, tỉnh Hòa Bình và tỉnh Hà Nam bán khống cho T. Tuy nhiên, T không biết rõ tên tuổi, địa chỉ, nhân thân, lai lịch của Hoa. Do vậy, Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra làm rõ, khi nào làm rõ sẽ xử lý sau là phù hợp.

- Đối với Trần Thị Thơm, Trần Văn Cơ, Trần Thị Dung, Trần Gia Thường, Lê Hồng Hạnh, Vũ Thị Dung, Nguyễn Thị H, Đinh Thị Thanh Thủy là những người được các bị can nhờ đứng tên giám đốc Công ty, viết hóa đơn, lập hợp đồng, lập biên bản giao nhận hàng hóa, rút nộp tiền từ tài khoản công ty hoặc chuyển tiền cho người khác. Tuy nhiên, những người này không biết các bị cáo Trần Văn T, Đặng Thị H, Nguyễn Đức H mua, bán trái phép hóa đơn nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý là phù hợp.

- Đối với Trần Thị Hương là người mua hóa đơn của bị cáo Trần Văn T xuất về công ty Tùng Lâm Phát, công ty Gia Huy BN đã bị khởi tố điều tra trong vụ án hình sự khác. Do vậy, Cơ quan điều tra không xem xét xử lý trong vụ án này là phù hợp.

- Đối với các công ty sử dụng hóa đơn của công ty Tiến T, công ty Trần Gia Linh, công ty cơ khí Tài Đức, công ty dịch vụ Tài Đức, công ty Phương Đông có số tiền thuế từ 100 triệu đồng trở lên. Đến nay, Cơ quan điều tra chưa đủ căn cứ xác định các công ty này mua khống hóa đơn GTGT của các bị cáo để kê khai khấu trừ thuế. Vì vậy, Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra làm rõ, khi nào làm rõ sẽ xử lý sau là phù hợp.

- Đối với các công ty sử dụng hóa đơn của các công ty Tiến T, công ty Trần Gia Linh, công ty cơ khí Tài Đức, công ty dịch vụ Tài Đức, công ty Phương Đông có số tiền thuế dưới 100 triệu đồng. Tuy nhiên, số tiền thuế chưa đủ yếu tố xử lý về mặt hình sự. Do vậy, Cơ quan điều tra có văn bản thông báo đến cơ quan quản lý thuế của các doanh nghiệp này biết, theo dõi và xử lý theo quy định của pháp luật.

- Đối với các công ty sử dụng hóa đơn của công ty Tiến T, công ty Trần Gia Linh, công ty Phúc Hưng. Do các công ty này có địa chỉ trụ sở tại thành phố Hải Phòng và thành phố Hà Nội, tỉnh Hòa Bình, tỉnh Hà Nam; mặt khác đến nay chưa xác định được đối tượng thực hiện mua, bán trái phép hóa đơn của các bị can. Vì vậy, Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra làm rõ, khi nào làm rõ sẽ xử lý sau là phù hợp.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo **Trần Văn T, Đặng Thị H, Nguyễn Đức H** phạm tội “**Mua bán trái phép hóa đơn**”.

- Áp dụng điểm d, đ khoản 2, khoản 3 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự: Xử phạt: Trần Văn T 24 (Hai mươi bốn) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 48 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bổ sung bị cáo 50 triệu đồng để sung ngân sách nhà nước. Xác nhận bị cáo đã nộp 50 triệu đồng theo biên lai thu tiền số 0000436 ngày 28/9/2023 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh.

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 35 Bộ luật hình sự: Xử phạt: Đặng Thị H 250 (Hai trăm lăm mươi) triệu đồng. Xác nhận bị cáo đã nộp số tiền 200.200.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0000418 ngày 25/9/2023 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh.

- Áp dụng điểm d khoản 2, khoản 3 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự: Xử phạt: Nguyễn Đức H 12 (Mười hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 18/4/2023. Phạt bổ sung bị cáo 10 triệu đồng để sung ngân sách nhà nước.

Giao bị cáo Trần Văn T cho Ủy ban nhân dân phường Châu Khê, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trong trường hợp bị cáo được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự năm 2019.

- Áp dụng Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự: Quyết định tạm giam bị cáo Nguyễn Đức H 45 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để bảo đảm thi hành án.

2. Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Buộc Trần Văn T phải nộp 379.400.831 đồng; Đặng Thị H phải nộp 94.067.436 đồng; Nguyễn Đức H phải nộp 44.808.605 đồng là tiền các bị cáo thu lời bất chính để sung Ngân sách Nhà nước.

Tạm giữ số tiền các bị cáo đã nộp để đảm bảo việc thi hành án, cụ thể:

- Số tiền 180 triệu đồng (trong đó: T 100 triệu đồng, H 80 triệu đồng) của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh do Công an tỉnh chuyển thi hành án theo Ủy nhiệm chi số 51, năm NS 2023;

- Số tiền 279.600.831 đồng do Trần Văn T nộp trước khi xét xử sơ thẩm theo biên lai thu tiền số 0000389 ngày 15/9/2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh;

- Số tiền 14.067.436 đồng do Đặng Thị H nộp trước khi xét xử sơ thẩm theo biên lai số 0000387 ngày 15/9/2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh;

- Số tiền 44.808.605 đồng do ông Nguyễn Văn Đức (là bố đẻ bị cáo Nguyễn Đức H) nộp trong giai đoạn điều tra tại Chứng từ giao dịch số: 08300155000000020 của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Agribank.

3. Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 BLTTHS; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc các bị cáo Trần Văn T, Đặng Thị H, Nguyễn Đức H mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao;
- VKSND Cấp cao;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- CQCSĐT Công an tỉnh Bắc Ninh;
- Phòng PC 10 Công an tỉnh Bắc Ninh;
- Trại Tạm giam Công an tỉnh Bắc Ninh;
- Cục THADS tỉnh Bắc Ninh;
- Bị cáo; người bào chữa; bị hại; đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hữu Hòa